

## Vin-Hepa 500mg/5ml



### 1 Thành phần

Thành phần chính trong mỗi ống thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml là L-ornithin L-Aspartat hàm lượng 500ml

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm.

### 2 Tác dụng - Chỉ định của thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml

#### Tác dụng của thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml

**Thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml chứa L-ornithin L-Aspartat là thuốc gì?**

#### **Dược lực học**

L-ornithine là một acid amin, có tác dụng bảo vệ gan, tăng cường chức năng gan và giúp giải độc các chất độc hại [1].

L-Aspartat có tác dụng kích thích quá trình tạo thành  $\alpha$ -ketoglutarate và glutamat và giúp giảm nồng độ amoniac ở não. Thuốc kích thích sự tạo thành ATP, kích thích sự chuyển hóa năng lượng giữa các chất gian bào của ty thể với bào tương, do đó cung cấp năng lượng cho quá trình tổng hợp ure, kích thích chức năng gan khác, nhất là chức năng tái tạo nhu mô gan và chuyển hóa mỡ.

Phối hợp giữa 2 thành phần giúp làm tăng tác dụng chuyển hóa qua nước tiểu.

#### **Dược động học**

Thuốc được đào thải qua nước tiểu dưới dạng không chuyển hóa.

### **Chỉ định thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml**

Thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml được chỉ định trong hỗ trợ điều trị các bệnh lý ở gan, viêm gan do rượu, viêm gan mạn tính.

### **3 Liều dùng - Cách dùng thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml**

Liều dùng thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml

Liều dùng: Tiêm tĩnh mạch chậm 2 ống/ngày trong tuần đầu điều trị và duy trì liều trên trong 3-4 tuần.

Trường hợp nặng có thể tăng liều lên 4 ống/ngày.

### **Cách dùng thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml**

Sử dụng qua đường tiêm, thuốc dùng tiêm tĩnh mạch chậm.

### **4 Chống chỉ định**

Không sử dụng thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml cho bệnh nhân nhiễm acid lactat và ngộ độc methanol.

### **5 Tác dụng phụ**

Thuốc có thể gây cảm giác bỏng rát ở thanh quản hoặc buồn nôn.

### **6 Tương tác thuốc**

Chưa có báo cáo.

### **7. Lưu ý khi sử dụng và bảo quản**

#### **Lưu ý và thận trọng**

Khi dùng thuốc ở liều cao thì cần phải theo dõi nồng độ ure máu và ure niệu.

Thận trọng trên đối tượng có thai và cho con bú.

#### **Phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú**

##### **Phụ nữ có thai**

Chưa có nghiên cứu về độ an toàn của thuốc trên phụ nữ có thai. Chỉ sử dụng khi thật sự cần thiết.

##### **Cho con bú**

Chưa có dữ liệu đảm bảo nghiên cứu trên đối tượng trên đối tượng cho con bú. Chỉ nên sử dụng trong trường hợp thật sự cần thiết.

#### **Sử dụng được cho đối tượng lái xe và vận hành máy móc.**

Thuốc không ảnh hưởng tới khả năng lái xe và vận hành máy móc.

#### **Bảo quản**

Bảo quản thuốc Vin-Hepa 500mg/5ml nơi khô và thoáng mát.

Tránh để thuốc nơi ẩm thấp và nhiệt độ cao.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30 độ C.

## **8. Tài liệu tham khảo:**

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc  
Dược Thư Quốc Gia Việt Nam

Rx

# VIN-HEPA 500

**“Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc”**

**“Để xa tầm tay trẻ em”**

**“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”**

**1. Thành phần công thức thuốc:** Mỗi viên nang cứng chứa:

*Thành phần dược chất:* L-Ornithin-L-Aspartat .....500 mg.

*Thành phần tá dược:* Tinh bột sắn, Eratab, talc, magnesi stearat vđ .....1 viên.

**2. Dạng bào chế:**

Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Mô tả dạng bào chế: Viên nang cứng, nắp nang màu xanh đậm, thân nang màu xanh nhạt, bên trong chứa bột thuốc màu trắng, đóng trong nang số 0.

**3. Quy cách đóng gói:** Hộp 6 vỉ x 10 viên nang cứng.

**4. Chỉ định:**

Hỗ trợ điều trị một số bệnh lý ở gan như viêm gan mạn tính, viêm gan do rượu.

**5. Liều dùng - cách dùng:**

**Liều dùng:**

- Người lớn: Uống 1 - 2 viên/lần, 3 lần trong ngày.

- Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên/lần, 2 - 3 lần trong ngày.

- Liều có thể được điều chỉnh theo độ tuổi bệnh nhân và triệu chứng bệnh.

**Cách dùng:**

- Đường uống.

- Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

**6. Chống chỉ định:**

- Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

- Suy thận nặng.

**7. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:**

- Khi dùng thuốc liều cao phải theo dõi nồng độ urê huyết và urê niệu.

- Thận trọng với phụ nữ có thai và cho con bú.

**8. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

**Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai:**

Chưa có các nghiên cứu về độ an toàn khi sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai.

- Chỉ sử dụng thuốc này cho phụ nữ có thai khi đã cân nhắc lợi ích của việc điều trị và nguy cơ có thể xảy ra.

**Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú:**

- Chưa có các nghiên cứu về độ an toàn khi sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú.

- Chỉ sử dụng thuốc này cho phụ nữ cho con bú khi đã cân nhắc lợi ích của việc điều trị và nguy cơ có thể xảy ra.

**9. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:** Thuốc không tác động đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

**10. Tương tác, tương kỵ của thuốc**

**Tương tác thuốc:** Chưa có báo cáo.

**Tương kỵ thuốc:** Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

**11. Tác dụng không mong muốn (ADR):**

Bảng tóm tắt các phản ứng có hại: được phân nhóm theo tần suất: rất thường gặp ( $ADR \geq 1/10$ ), thường gặp ( $1/100 \leq ADR < 1/10$ ), ít gặp ( $1/1000 \leq ADR < 1/100$ ), hiếm gặp ( $1/10000 \leq ADR < 1/1000$ ) và rất hiếm gặp ( $ADR < 1/10000$ ).

**Hiếm gặp:** Trên tiêu hóa: Buồn nôn, nôn.

**“Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ  
những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc”**

**12. Quá liều và cách xử trí:**

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

**Xử trí:** Khi quá liều xảy ra, không có biện pháp giải độc đặc hiệu. Sử dụng các biện pháp thông thường như gây nôn, rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và hỗ trợ, gây lợi tiểu bằng truyền dịch. Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

**13. Đặc tính dược lực học:**

Nhóm dược lý trị liệu: Thuốc điều trị gan

Mã ATC: A05BA06

L-Ornithin tham gia vào chu trình urê, kích thích sự tạo thành acid uric ở gan, qua đó gián tiếp làm giảm nồng độ  $NH_3$ .

L-Aspartat kích thích sự tạo thành  $\epsilon$ -ketoglutarat và glutamat nhằm giảm nồng độ ammoniac ở não.

L-Aspartat kích thích cho sự tạo thành ATP liên quan đến chu trình T.C.A, kích thích sự chuyển hóa năng lượng giữa chất gian bào của ty thể với bào tương, qua đó cung cấp năng lượng cho quá trình tổng hợp urê và kích thích cho các chức năng gan khác, đặc biệt là chức năng chuyển hóa mỡ và tái tạo nhu mô gan.

Sự phối hợp L-Aspartat và L-Ornithin có tác dụng tương hỗ trong làm giảm nồng độ  $NH_3$ .

**14. Đặc tính dược động học:**

L-Aspartat và L-Ornithin không bị đào thải dưới dạng chuyển hóa.

**15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng:**

**Điều kiện bảo quản:** Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

**Hạn dùng:** 30 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn chất lượng:** TCCS.

**16. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

Số 777 Đường Mê Linh - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy:

Thôn Mậu Thông - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc